# TÀI LIỆU TẬP HUẤN
# PHẠM VI VÀ KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

***Hòa giải***:

*Là hành vi thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ổn thỏa. Hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp với sự giúp đỡ của một bên thứ ba trung lập, làm trung gian, giúp các bên tranh chấp tự nguyện thỏa thuận giải quyết được những bất đồng và đạt được thỏa thuận phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và tự nguyện thực hiện những thỏa thuận đó.*

***Hòa giải ở cơ sở****:*

*Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật*.

***Cơ sở***: Là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (gọi chung là thôn, tổ dân phố).

## *I- Phạm vi Hòa giải cơ sở:*

*Theo quy định tai điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP đã quy định rõ những trường hợp được tiến hành hòa giải và những trường hợp không được tiến hành hòa giải*

+ **<u>Những trường hợp được tiến hành hòa giải</u>**:

- Mâu thuẫn giữa các bên;

- Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;

- Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn;

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính;

- Vi phạm pháp luật hình sự nhưng không bị khởi tố vụ án và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ; Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

-Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị -trấn;

-Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.

+ **<u>Trường hợp không được hòa giải:</u>**

- Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;

*VD: Các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm, lấn chiếm đất công, tranh chấp về sử dụng trái phép công trình công cộng…thì không hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về quyền sử dụng đất.*

*VD: Tài sản của Nhà nước giao cho cơ quan tổ chức quản lý là 1 chiếc xe trị giá 2 tỷ nhưng đã bị ông B đập phá và làm hư hỏng toàn bộ chiếc xe, Cơ quan tổ chức và ông B đã thỏa thuận ông B chỉ bồi thường thiệt hại là 100 triệu đồng là không được hòa giải để các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp này, có dấu hiệu hình sự thì phải chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý.*

- Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình mà theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết,

*VD: Kết hôn trái pháp luật thì hòa giải viên không được hòa giải để các bên tự giải quyết, duy trì quan hệ hôn nhân và gia đình trái pháp luật đó. Thẩm quyền xem xét, quyết định việc hủy kết hôn trái pháp luật thuộc về Tòa án nhân dân theo thủ tục tố tụng dân sự.*

- Giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội;

Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định.

*VD: Ông A yêu cầu ông B phải trả số tiền 100 triệu đồng do mua bán trái phép chất ma túy.*

Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng.

*VD:Chị N cho chị M mượn 100 triệu đồng nhưng chị M không có khả năng trả nợ nên hai bên thỏa thuận chị M giao chồng là anh K cho chị N để anh K và chị N chung sống với nhau như vợ chồng để trừ hết số nợ mà chị M đã nợ của chị N.*

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ các trường hợp chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

*VD: Ông A dùng dao chém ông B gây thương tích có tỷ lệ thương tật là 11% trở lên.*

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính;

*VD: Tổ chức kết hôn cho người chưa đủ tuổi kết hôn, hoặc người đang có vợ có chồng mà kết hôn với người khác…*

- Mâu thuẫn, tranh chấp về thương mại, tranh chấp về lao động.

*Tranh chấp thương mại là tranh chấp về Mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; vận chuyển hàng hóa; mua bán trái phiếu, cổ phiếu; đầu tư tài chính, ngân hàng, Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ…*

*Tranh chấp lao động như tranh chấp về sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa người lao động với người sử dụng lao động…*

*(các tranh chấp này do luật chuyên ngành là luật thương mai và Bộ luật lao động quy định về trình tự thủ tục hòa giải riêng)*

***II- Kỹ năng cơ bản của hòa giải viên***

Khi giải quyết tranh chấp thì hòa giải viên chính là một bên thứ 3 đã được các bên tranh chấp tin tưởng thỏa thuận để chọn làm trung gian nhằm mục đích giải quyết tranh chấp của các bên trong quá trình hòa giải để tìm cách giải quyết tranh chấp và có tiếng nói chung để giải quyết vướng mắc về quyền lợi của các bên. Chính vì vậy, hòa giải viên cần có các kỹ năng nhất định để có thể giúp các bên giải quyết được tranh chấp trong sự thỏa thuận.

*1. Kỹ năng gặp gỡ đối tượng và nghe đối tượng trình bày.*

a. Kỹ năng gặp gỡ đối tượng.

Hoạt động hòa giải chính là một hoạt động đòi hỏi cần có đầu óc, trí tuệ để áp dụng pháp luật và đạo đức xã hội vào từng vụ việc và các mỗi quan hệ cụ thể để giải quyết tranh chấp. Khi giao tiếp với người cần hòa giải thì hòa giải viên cần phải quan tâm để ý và tỏ thái độ gần gũi cũng như quan tâm và sẵn sàng toàn tâm toàn lực để giúp đỡ người khác. Phải có thái độ tôn trọng người khác không được áp đặt, phán xét hay cắt ngang lời, không lắng nghe, thiếu lịch sự người khác. Bên cạnh đó cần phải thật nhiệt tình hỗ trợ trong công việc và chân thành, cởi mở để tạo sự tin cậy. Giao tiếp chính là quá trình để bày tỏ ý chí, cảm xúc, và trao đổi, truyền đặt thông tin với người khác bằng lời nói hoặc hành động hoặc cử chỉ. Hòa giải viên cần tiếp đối tượng, cũng như nghe đối tượng diễn giải, đặt các câu hỏi lô gic để làm rõ các tình tiết của nội dung vụ việc, tạo điều kiện cho các bên ngồi lại với nhau để đàm phán và cùng bàn bạc giải quyết tranh chấp…Khi tiếp đối tượng, hòa giải viên phải chú ý tỏ thái độ quan tâm, nhiệt tình, chân thành và sẵn lòng giúp đỡ người khác; Tôn trọng, lịch sự với đối tượng, không thể hiện thái độ

phán xét đối tượng, cư xử có văn hóa; Nhiệt tình trong công việc và chân thành, cởi mở để tạo sự tin cậy; Không nên phân biệt, đối xử…

b. Kỹ năng nghe đối tượng trình bày

Nhằm mục đích thu nhận vào những thông tin bổ ích, chính xác, thành thật, trung thực về nội dung của vụ việc, thì hòa giải viên cần phải chú ý để lắng nghe và ghi chép đầy đủ những nội dung chính, ý chính, trên cơ sở đó có thể đặt những câu hỏi yêu cầu đối tượng làm rõ thêm các tình tiết của vụ việc. Khi nghe các bên tranh chấp trình bày, hòa giải viên cần chú ý dùng ngôn ngữ, các cử chỉ để tiếp đối tượng một cách nhiệt tình, chu đáo thể hiện sự chú ý lắng nghe đối tượng nói. Tạo điều kiện cũng như cơ hội, môi trường giao tiếp đối thoại cởi mở. Tập trung, kiên trì để lắng nghe được tất cả những điều đối tượng trình bày, không nên cắt ngang lời nói của các bên khi họ đang trình bày hoặc hỏi lại ngay trong khi họ đang trình bày về vụ việc làm cắt đứt dòng suy nghĩ của họ. Nghệ thuật tốt nhất là biết lắng nghe để hiểu, đừng phản ứng lại đối tượng và cần khuyến khích họ nói đến khi không còn gì để nói. Dùng lời nói hoặc thái độ, hành vi, cử chỉ để kiểm tra, khẳng định lại những thông tin của đối tượng mà mình tiếp nhận được. Tóm lược các nội dung mang tính bản chất của vụ việc và nguyên nhân phát sinh tranh chấp một cách chính xác, khẳng định lại với các bên tranh chấp để thống nhất quan điểm và cách giải quyết vụ việc. Trong quá trình nghe các bên trình bày, hòa giải viên cần tránh các hành vi phán xét đối tượng, phê phán cũng như đặt ra những giả thiết, vấn đáp, chất vấn, tranh luận ganh đua với đối tượng trong khi họ đang trình bày hoặc bên vực bên này bên khác. Không nên có các cử chỉ cũng như các mang tính chất từ chối, chán nản hoặc có các lời nói hay tỏ những thái độ khó chịu khi đối tượng trình bày lòng vòng, dài dòng hoặc đặt ra nhiều câu hỏi khác không có liên quan đến vụ việc…Đặc biệt, không nên tức giận, cáu giận khi các bên tham gia hòa giải có cử chỉ hoặc lời nói làm mình không hài lòng bởi đó là những bức xúc của họ.

*2. Kỹ năng yêu cầu các bên tranh chấp cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ việc*

Để giải quyết tranh chấp và đưa ra phương án, lời khuyên để tư vấn giải đáp chính xác, đúng quy định pháp luật hiện hành, thuyết phục

được các đối tượng, thì chính bản thân hòa giải viên phải tiến hành đề nghị các đối tượng cung cấp được đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để phản ánh đúng bản chất, nội dung và diễn biến của vụ việc tranh chấp giữa các bên. Trong trường hợp cần thiết, hòa giải viên sẽ phải tự chính mình tìm hiểu, thu thập các bằng chứng, chứng cứ, gặp gỡ tiếp xúc, trao đổi và làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã từng tham gia giúp đỡ giải quyết, gặp người làm chứng, chứng kiến nghe họ trình bày về diễn biến và nội dung vụ việc mà họ biết được. Sau khi có chứng cứ, tài liệu có liên quan, hòa giải viên cần dành thời gian để đọc, nghiên cứu, đồng thời hình thành luôn giải pháp. Khi chưa thực sự tin tưởng về giải pháp mà mình sẽ đưa ra cho đối tượng thì hòa giải viên không nên vội vàng đưa ra giải pháp đó.

*3. Kỹ năng tra cứu tài liệu tham khảo*

Nếu thấy cần thiết, hòa giải viên có thể cung cấp cho các bên bản sao văn bản, tài liệu đó cùng với lời tư vấn mà mình đưa ra. Trường hợp chưa tìm thấy văn bản cần tìm hoặc nghi ngờ về hiệu lực của văn bản đó (VD: văn bản đã bị hủy bỏ và có một văn bản mới thay thế), thì hòa giải viên có thể hẹn lại đối tượng và trả lời sau. Trường hợp vụ việc hòa giải phức tạp, hòa giải viên chưa hiểu sâu, thì nên gặp nhờ chuyên môn tư vấn cho mình trước khi tư vấn, hòa giải tranh chấp.

*4. Kỹ năng xem xét, xác minh vụ việc*

Khi hòa giải viên thấy chưa đủ cơ sở để tư vấn, đưa ra những giải pháp, cần phải tiến hành xem xét, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, gặp gỡ, tiếp xúc với các cơ quan, tổ chức và những người có liên quan để tìm hiểu rõ bản chất vụ việc, tránh vội vàng đưa ra những kết luận phiến diện, chủ quan.Việc xác minh phải thực sự khách quan, vô tư. Thông thường họ chỉ đưa ra những thông tin có lợi cho bên tranh chấp mà họ có liên quan. Vì vậy, khi hòa giải cần khéo léo để nhận được những thông tin, tài liệu chính xác, trung thực.

*5. Kỹ năng giải thích, thuyết phục, cảm hóa, hướng dẫn các bên tự nguyện giải quyết tranh chấp*

Một trong những kỹ năng giải thích, thuyết phục, cảm hóa và định hướng đưa ra phương án để các bên tự nguyện để thực hiện giải quyết tranh chấp sẽ được thể hiện trong cả quá trình hòa giải, Hòa giải viên phải đưa ra lời giải thích, thuyết phục, lời khuyên, giải pháp, phương án,…; hành vi nào các bên được làm và những hành vi nào pháp luật ngăn cấm; hành vi nào phù hợp và không phù hợp với pháp luật, với đạo đức xã hội, nêu rõ hậu quả pháp lý mà các bên phải gánh chịu nếu tiếp tục tranh chấp và đưa ra định hướng giải quyết tranh chấp để các bên tự lựa chọn và quyết định.

Trong hòa giải, tuỳ thuộc đối tượng, tính chất vụ việc, quan hệ gia đình, xã hội… của các bên tranh chấp mà tổ trưởng tổ hòa giải nghiên cứu, lựa chọn, cử hòa giải viên tham gia hòa giải cho phù hợp. Việc hòa giải có thể do một hoặc một số hòa giải viên tiến hành. Tổ hòa giải có thể tự quyết định số hòa giải viên tham gia hòa giải đối với từng vụ, việc cụ thể.

*Ví dụ, hoà giải tranh chấp về hôn nhân gia đình nên cử hoà giải viên là nữ giới tác động với bên vợ và cử hoà giải viên nam giới tác động với bên chồng sẽ mang lại kết quả cao hơn. Đối với những việc tranh chấp tương đối phức tạp, mâu thuẫn giữa các bên tương đối gay gắt, sự có mặt của một số hoà giải viên sẽ tác động nhiều hơn đến tâm lý của các bên tranh chấp, hoặc mỗi hoà giải viên sẽ đứng ra giải thích, thuyết phục, cảm hoá từng bên.*

Hòa giải viên được phân công hòa giải cần chủ động, tích cực tìm hiểu về nội dung vụ việc, thu thập thông tin, chứng cứ, nắm bắt hoàn cảnh, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, tác động của mâu thuẫn, tranh chấp đối với các bên thông qua các biện pháp Gặp gỡ, trao đổi riêng với từng bên tranh chấp và phải bảo đảm gặp gỡ, trao đổi được với tất cả các bên tranh chấp; cần có cách nhìn khách quan, tránh phiến diện, thiên lệch trong quá trình hòa giải vụ, việc. Gặp gỡ, trao đổi với những người khác có liên quan nhằm mục đích hiểu rõ hơn về vụ việc; lợi ích, mong muốn của các bên, lợi ích cốt lõi để xem lợi ích nào có thể chấp nhận được.

Nếu thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng, hòa giải viên thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa hoặc báo trực tiếp công an, chính quyền xã để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

***III- Hòa giải đối với các vụ việc cụ thể về tranh chấp đất đai, Hụi (họ biêu, phường), Hôn nhân gia đình và và các tranh chấp khác***

***1- Hòa giải về tranh chấp đất đai.***

Theo quy định về hòa giải cơ sở, luật đất đai, Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật quy định về Hòa giải thì việc hòa giải tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, hụi và các tranh chấp khác thì việc Hòa giải ở cơ sở không phải là thủ tục bắt buộc mà chỉ là sự khuyến khích thực hiện của Nhà nước. Đối với tranh chấp đất đai thì phải thông qua hòa giải ở cơ sở. Riêng đối với tranh chấp trong việc xác định ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

Như vậy Nếu các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến UBND cấp xã nơi có đất để yêu cầu hòa giải. Mọi tranh chấp đất đai đều phải bắt buộc hòa giải tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp. Nếu không hòa giải tại UBND cấp xã thì sẽ không được quyền khởi kiện tại tòa án hoặc yêu cầu Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện giải quyết.

Có hai hình thức hòa giải để giải quyết các tranh chấp đất đai là hòa giải ở cơ sở và hòa giải tại UBND cấp xã.

- *Thứ nhất*, Về cơ sở pháp lý

Hòa giải ở cơ sở được quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014).

Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã là thủ tục được quy định trong Luật Đất đai năm 2013 trong trường hợp các bên tranh chấp

không tự hòa giải thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải (khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai).

*Thứ hai*, Về tính bắt buộc

Hòa giải ở cơ sở trên cơ sở sự tự nguyện của các bên tranh chấp, không phải là thủ tục bắt buộc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Hòa giải ở cơ sở thì các bên có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải.

Hòa giải đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất tại UBND cấp xã là thủ tục bắt buộc và cũng là điều kiện thụ lý vụ án tại Tòa án. (*Khoản 2 Điều 3 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định* "*Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện).*

Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,… thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án."

*Thứ ba,* Về thành phần tổ hòa giải/hội đồng hòa giải, người tham gia hòa giải.

*<u>Đối với hòa giải ở cơ sở</u>*:

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn, đề xuất hòa giải viên; trong trường hợp các bên không lựa chọn hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải. Trong đó, hòa giải viên là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải, có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư, có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật và được Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên. Trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm

việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Đối với hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã,

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ghị định quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai thì thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, điểm c khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, trong hòa giải ở cơ sở các bên có thể lựa chọn hòa giải viên và thống nhất mời thêm người khác có liên quan, người có uy tín tham gia hòa giải. Đối với hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã thì thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai đã được quy định cụ thể, bên cạnh đó, thì có thể mời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia.

Như vậy, hòa giải ở cơ sở là hoạt động tự nguyện, mang tính xã hội, tính cộng đồng nên không quy định trình tự, thủ tục bắt buộc khi tiến hành hòa giải. Còn hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã  phải tuân theo những quy định nhất định theo quy định của pháp luật.

*Thứ tư*, Về việc đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã dành 01 chương (Chương XXXIII) quy định về thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Đồng

thời theo công văn số 1503/BTP-PBGDPL, ngày 05/5/2017 Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án Công nhận kết quả Hòa giải thành ở cơ sở.

Theo đó các bên có thể yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Như vậy, khi hòa giải thành các tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở hoặc hòa giải tại UBND cấp xã thì các bên đều có thể yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

**BIÊN BẢN HÒA GIẢI**

Nếu hòa giải về tranh chấp đất đai thì kết quả hòa giải phải thực hiện theo điều 88 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014

Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung:

*Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải*

*Thành phần tham dự hòa giải*

*Tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu);*

*Ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai.*

*Những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận.*

*Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.*

Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án phải gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành. (*Điều 418 Bộ luật TTDS năm 2015)*

## 2- Hòa giải về Tranh chấp phát sinh từ hụi

Hòa giải về tranh chấp hụi trước hết cần phân việc tranh chấp về hụi có dấu hiệu  của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay không? Nếu có dấu hiệu hình sự thì không tiến hành hòa giải mà chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét. Nếu không có dấu hiệu hình sự thì tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận, nếu các bên không thỏa thuận được thì các đương sự có quyền gửi đơn khởi kiện đến Tòa án.

Tuy hiên cơ sở pháp lý để Tòa án giải quyết hiện nay là Bộ luật dân sự năm 2015 và  Nghị định 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hướng dẫn Hụi ( trước đây là Nghị định 144/CP của Chính phủ)

*Hụi có hai loại hụi là hụi có lãi và hụi không có lãi*

- Hụi có lãi: ( gồm có)

+ Hụi đầu thảo: C*hủ hụi hốt trước bằng số tiền bỏ hụi ấn định, các thành viên còn lại ai bỏ cao thì hốt*.

+ Hụi hưởng hoa hồng*: Thành viên nào bỏ cao thì hốt, số tiền hoa hồng ở mỗi lần hốt hụi chủ hụi được hưởng*.

- Hụi không có lãi: T*ất cả các thành viên cùng góp vốn và bốc thăm hốt, (như ở cơ quan thường chơi)*

Các tranh chấp hụi thường gặp:

Thành viên hốt hụi nhưng chủ hụi không giao, do hụi bể (đình hụi). Thành viên hốt hụi nhưng không nộp hụi (Hụi chết), mua hụi do thành viên đưa tiền cho chủ hụi 1 lần trong thời gian mở hụi và khi mãn hụi thì chủ hụi giao hụi. Có trường hợp sau khi thành viên không nộp hụi chết nhưng chủ hụi vẫn nộp thay để duy trì đến mãn hụi, có trường hợp chủ hụi không chung tiền cho thành viên hốt hụi nhưng hụi vẫn được duy trì đến mãn hụi và có trường hợp hụi kết thúc khi chưa đến thời gian mãn hụi.

Khi hòa giải có thể phát sinh 2 trường hợp:

- Các bên đồng ý trả tiền hụi theo thỏa thuận khi tham gia chơi hụi

- Thành viên hốt hụi chỉ đồng ý trả lại bằng số tiền mà chủ hụi đã giao khi hốt hụi hoặc chủ hụi chỉ đồng ý giao tiền cho thành viên chơi hụi khi hốt hụi bằng số tiền đã nộp.

Trong hai trường hợp này nếu:

Đình hụi thì Thành viên nộp vào bao nhiêu thì chủ hụi phải trả lại cho thành viên cộng với số tiền lãi. Nếu Hụi mãn thì nghĩa vụ của Thành viên dã hốt hụi phải trả đủ số tiền hụi chết phải nộp, ( do để duy trì hụi không bị đình hoặc bể hụi thì chủ hụi phải nộp thay hụi chết cho thành viên đã hốt hụi)

Văn bản pháp luật: Nghị định 19/2019-CP ngày 19/02/2019 và Bộ luật dân sự năm 2015

***3- Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình:***

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến ly hôn như ngoại tình, mâu thuẫn về kinh tế gia đình hoặc mâu thuẫn trong cách chăm sóc dạy bảo con, mâu thuẫn do xung đột với bố mẹ hai bên, mâu thuẫn do bạo lực gia đình.... Có rất nhiều lý do khác nhau dẫn đến mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Có những trường hợp giải pháp ly hôn là cần thiết và đúng đắn, song cũng có không ít trường hợp vợ chồng ly hôn là những quyết định vội vàng, thiếu bình tĩnh… trong lúc "cả giận mất khôn" khi mâu thuẫn hoàn toàn có thể hóa giải được nếu được giúp đỡ, cảm thông, chia sẻ. Và dù trong bất cứ trường hợp nào, thì ly hôn cũng để lại hậu quả không chỉ cho gia đình, mà cho cả xã hội. Chính vì vậy, trong bất kỳ trường hợp nào, nhất là với những trường hợp ly hôn không thực sự là giải pháp cần thiết, đúng đắn thì việc hòa giải thành có một ý nghĩa rất quan trọng. Việc hòa giải có thể được thực hiện trước khi các bên đưa vụ việc ra tòa án (hòa giải bởi hòa giải viên ở cơ sở, dòng họ, người thân…) Nếu việc hòa giải ở cơ sở đạt kết quả tốt thì số lượng người xin ly hôn do nóng vội sẽ giảm xuống. Chính vì vậy mà theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở thì Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở quy định hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với: "*Tranh chấp phát sinh từ quan hệ*

*hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn";*

Điều 52 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về khuyến khích hòa giải ở cơ sở quy định: "*Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn".*

Đối với việc ly hôn, hoà giải viên thực hiện việc hoà giải, giúp đôi vợ, chồng tự hàn gắn tình cảm, giữ gìn hạnh phúc gia đình là điều rất cần thiết.

Chỉ những trường hợp vợ chồng kết hôn trái pháp luật (là việc xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm các điều kiện kết hôn, như: nam, nữ chưa đủ tuổi kết hôn (nam chưa đủ 20 tuổi, nữ chưa đủ 18 tuổi); việc kết hôn do một hoặc cả hai bên bị ép buộc, không tự nguyện; việc kết hôn thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn như: kết hôn giả tạo; bị lừa dối kết hôn; người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riên của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. Không đăng ký kết hôn thì không hòa giải đoàn tụ mà phải hướng dẫn họ yêu cầu đến Tòa án.

*Trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành, nếu các bên đã tự thỏa thuận với nhau về Hôn nhân, con, tài sản và nợ chung của vợ chồng thì vẫn ghi vào biên bản đầy đủ sự thỏa thuận của các bên để họ yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết việc dân sự để công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con và chia tài sản, nợ./.*